

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 28-8-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phùng Anh Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Lê Tự

Ông Phạm Việt Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 375/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Lương Ngọc V** và bị cáo **Lương Kim Q** về tội “*Nhân hối lộ*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Trung tâm Đ** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2024/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. LƯƠNG NGỌC V; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01.10.1980 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: **B Mỹ Đa T, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng;** quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Đăng kiểm viên - **Trung tâm Đ;** trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông **Lương Văn H** và bà **Lê Thị Kim N;** có vợ là **Chu Thị Ánh T** (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2016; bị cáo bị bắt ngày 10/02/2023. Có mặt tại phiên tòa.

2. LƯƠNG KIM Q; tên gọi khác: Không; sinh ngày 09.5.1994 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: **K N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng;** quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty TNHH**

MTV D1; trình độ văn hóa: 12/12; tiền án, tiền sự: không; con ông Lương Văn Q1 và bà Nguyễn Thị K; bị cáo bị bắt ngày 10/02/2023. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Lương Ngọc V: Ông Phạm Văn N1, Luật sư - Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Kim Q: Ông Nguyễn Hữu L, Luật sư - Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Trung tâm Đ; Địa chỉ: B H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Đ (sau đây gọi tắt là Trung tâm Đăng kiểm) được thành lập theo quyết định số 279/QĐ-UB ngày 05 tháng 02 năm 1997 của UBND thành phố Đ (tiền thân là Trạm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải Đ1), được bổ sung nhiệm vụ và đổi tên đơn vị là Trung tâm Đ theo Quyết định số 116/2004/QĐ-UB ngày 30/6/2004 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đ. Đến năm 2010, Trung tâm Đăng kiểm được chia thành 02 cơ sở là Trung tâm Đ2 địa chỉ tại B H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng và Trung tâm Đ3 tại địa chỉ km 800+40, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trung tâm Đăng kiểm xe là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. Trung tâm trực thuộc và chịu sự quản lý toàn diện của Sở Giao thông vận tải thành phố Đ, đồng thời chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ đăng kiểm của Cục Đ4.

Ngày 23/3/2020, Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm ban hành Quyết định số 62/QĐ-ĐK, kèm theo Quyết định này là “Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm Đ”.

Bùi Văn T1 được bổ nhiệm là Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm theo Quyết định số 609/QĐ-SGTVT ngày 30/7/2019 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành phố Đ. Theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm Đ, Giám đốc là người phụ trách chung, chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên và pháp luật nhà nước về mọi hoạt động của đơn vị.

Lương Ngọc V làm việc tại Trung tâm Đăng kiểm từ năm 2008, giữ chức danh là Đăng kiểm viên xe cơ giới theo Hợp đồng số 09/03/HĐLĐ-ĐK ngày 01/10/2008 của **Trung tâm Đ**, hình thức hợp đồng không xác định thời hạn. Quá trình làm việc tại Trung tâm, **V** được **Bùi Văn T1** giao nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý các hồ sơ cấp “Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo” (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận cải tạo) theo quy định tại Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của **Bộ G** quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Văn bản hợp nhất số 41/VBHN-BGTVT ngày 22/7/2022 của **Bộ G** về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Theo quy định tại các văn bản này thì chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân như sau:

- Cơ sở thiết kế là tổ chức kinh doanh ngành nghề dịch vụ thiết kế xe cơ giới, cơ sở thiết kế lập hồ sơ thiết kế theo yêu cầu, mục đích sử dụng của chủ phương tiện, sau đó nộp văn bản đề nghị thẩm định thiết kế cho **Cục Đ4** hoặc **Sở G** (tùy vào hạng mục cải tạo) để thẩm định thiết kế.

- **Cục Đ4** hoặc **Sở G** xem xét, kiểm tra, đối chiếu và đánh giá các nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo xe cơ giới với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định có liên quan cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

- Cơ sở cải tạo là tổ chức kinh doanh ngành nghề thi công cải tạo, sản xuất, lắp ráp xe cơ giới, cơ sở cải tạo thực hiện cải tạo xe cơ giới theo đúng thiết kế đã được thẩm định, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; xe cơ giới sau thi công cải tạo xuất xưởng phải được cơ sở cải tạo kiểm tra đảm bảo chất lượng sản phẩm, kết quả kiểm tra được lập thành biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo.

- Xe cơ giới sau khi thi công cải tạo theo thiết kế đã thẩm định phải được **Cục Đ4** hoặc đơn vị đăng kiểm xe cơ giới thực hiện nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Chủ sở hữu phương tiện sẽ sử dụng giấy chứng nhận để đăng ký kiểm định mới và làm thủ tục thay đổi giấy đăng ký xe tại cơ quan Công an.

Quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định theo các Quyết định bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý, Hợp đồng lao động, Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT và Văn bản hợp nhất số 41/VBHN-BGTVT ngày 22/7/2022, các bị cáo **Bùi Văn T1**, **Lương Ngọc V** và **Lương Kim Q** đã cấu kết cùng nhau lập không hồ sơ thiết kế cải tạo đối với các xe cơ giới do chủ xe tự ý cải tạo từ trước để làm thủ tục cấp “Giấy chứng nhận cải tạo”, qua đó nhận tiền của nhiều người, cụ thể như sau:

Vào năm 2019, do thấy nhiều người dân đã tự ý cải tạo xe nhưng có nhu cầu được cấp “Giấy chứng nhận cải tạo” để làm giấy đăng ký xe mới tránh bị lực lượng Cảnh sát giao thông xử phạt vi phạm, hoặc chủ xe có nhu cầu cải tạo nhưng không nắm rõ quy trình nên liên hệ nhờ **Lương Ngọc V** hỗ trợ làm thủ tục. **Lương Ngọc V** nhờ **Lương Kim Q** đứng tên thành lập, làm Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH Một thành viên D1** (sau đây gọi tắt là **Công ty D1**) nhằm mục đích sử dụng tư cách pháp nhân của **Công ty D1** để lập không hồ sơ thiết kế cải tạo xe cơ giới nhằm hợp thức thủ tục cấp Giấy chứng nhận. Trên thực tế **Công ty D1** không có hoạt động kinh doanh, không thực hiện hoạt động cải tạo xe thực tế, không có nhân viên, các chữ ký tên người thiết kế **Hoàng Văn A**, **Nguyễn Ngọc V1** trên các bản vẽ thiết kế cải tạo xe ô tô là do **Q** tự ký ra.

Ngoài ra, tháng 10/2022, **Lương Ngọc V** nhờ **Huỳnh Chí D** đứng tên thành lập **Công ty TNHH MTV D2** (sau đây gọi tắt là **Công ty D2**). Sau khi thành lập Công ty, **D** không tham gia quản lý, hoạt động mà giao toàn bộ hồ sơ, con dấu cho **V. V** sử dụng pháp nhân công ty, con dấu lập các thủ tục biên bản nghiệm thu xuất xưởng và văn bản đề nghị Trung tâm Đăng kiểm nghiệm thu, kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo để cấp “Giấy chứng nhận cải tạo”.

Sau khi thành lập các công ty, **Lương Ngọc V** gặp **Bùi Văn T1** để trao đổi thống nhất chủ trương về việc **V** nhận tiền của các chủ xe đã tự ý cải tạo từ trước có nhu cầu làm thủ tục thi công cải tạo xe để lập hồ sơ thiết kế cải tạo và nộp hồ sơ để Sở Giao thông vận tải, **Cục Đ4** đề nghị cấp thẩm định thiết kế, nhằm hợp thức hóa cho các xe đã cải tạo nhưng không có hồ sơ thiết kế và lập không biên bản nghiệm thu xuất xưởng, văn bản đề nghị Trung tâm Đăng kiểm nghiệm thu, kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo để cấp “Giấy chứng nhận cải tạo”. Riêng đối với loại xe không yêu cầu hồ sơ thiết kế, **Bùi Văn T1** chỉ đạo **V** chỉ hỗ trợ giúp cho các chủ xe chứ không được thu tiền.

Sau khi được **Bùi Văn T1** thống nhất chủ trương, **Lương Ngọc V** trực tiếp hoặc thông qua **Lương Kim Q** nhận tiền của các chủ phương tiện để làm thủ tục cấp “Giấy chứng nhận cải tạo”.

Việc nhận tiền thường được thực hiện bằng phương thức chủ xe chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của **Lương Kim Q** số 101869213018 mở tại **Ngân hàng V2 chi nhánh Đ5**, sau đó **Q** chuyển tiếp vào tài khoản mang tên **Lương Ngọc V** số 56010000492812 tại **Ngân hàng B2 chi nhánh H1**. Có trường hợp chủ xe đưa tiền mặt trực tiếp cho **Q** để **Q** đưa cho **V** hoặc đưa tiền mặt trực tiếp cho **V**.

Đối với xe đã được chủ xe tự ý cải tạo từ trước, có nhu cầu muốn hợp thức lại hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận cải tạo hoặc xe chưa thi công cải tạo và muốn làm hồ sơ cải tạo đúng theo quy định, **V** trực tiếp hoặc thông qua **Lương Kim Q** hướng dẫn cho chủ xe tự thi công, sau đó **V** sử dụng pháp nhân **Công ty D1** lập hồ sơ thiết kế, trình **Sở Giao thông vận tải thành phố Đ** kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo, sau đó sử dụng pháp nhân **Công ty D1** hoặc **Công ty D2** làm khống hồ sơ thi công, cải tạo và văn bản đề nghị Trung tâm Đăng kiểm nghiệm thu và được **Bùi Văn T1** ký cấp “Giấy chứng nhận cải tạo”. Đối với loại xe này, Vũ thu mỗi trường hợp 5.000.000 đồng. Số tiền này, **V** nộp phí nghiệm thu theo quy định là 610.000 đồng, số tiền còn lại **V** cùng các đồng phạm hưởng lợi.

Đối với xe có hạng mục cải tạo cần có hồ sơ thiết kế được **Cục Đ4** cấp thẩm định thiết kế mới được nghiệm thu và cấp “Giấy chứng nhận cải tạo”, **V** thống nhất với **Hoàng Xuân T2** (là Đăng kiểm viên **Cục Đ4**) để làm hồ sơ thiết kế với chi phí là 5.000.000 đồng/hồ sơ. Sau khi hai bên thống nhất chủ trương, **T2** giới thiệu với **V** liên hệ **Đặng Minh P** để liên hệ làm hồ sơ thiết kế. Khi có chủ xe có nhu cầu xin cấp Giấy chứng nhận cải tạo xe, **V** lấy thông tin của chủ xe cung cấp cho **Đặng Minh P**, **P** sử dụng pháp nhân **Công ty TNHH D3** (sau đây gọi tắt là **Công ty D3**) để làm hồ sơ thiết kế và nộp xin cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo tại **Cục Đ4**. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo từ **P**, **V** đưa hồ sơ này cho **Lương Kim Q** để làm khống các thủ tục: Biên bản nghiệm thu xuất xưởng và văn bản đề nghị Trung tâm Đăng kiểm nghiệm thu cấp “Giấy chứng nhận cải tạo” và được **Bùi Văn T1** ký cấp “Giấy chứng nhận cải tạo”.

Ngoài việc sử dụng pháp nhân của **Công ty D3** làm hồ sơ thiết kế, khi có nhiều hồ sơ đặt làm, để đảm bảo thời gian, **P** và **T2** đưa thông tin cho các doanh nghiệp khác như: **Công ty H2**, **Công ty T4**, **Công Ty T5**, **Công ty Đ6**, **Công ty A1** lập hồ sơ thiết kế để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo tại **Cục Đ4**. Đối với loại xe này, Vũ thu mỗi trường hợp là 10.000.000 đồng, trả cho **T2** 5.000.000 đồng, nộp phí nghiệm thu 610.000 đồng. Số tiền còn lại, **V** và các đồng phạm sử dụng cá nhân.

Đối với loại xe có thi công cải tạo nhỏ, theo quy định không cần hồ sơ thiết kế, nhưng phải có đơn vị thi công có văn bản đề nghị Trung tâm Đăng kiểm nghiệm thu và cấp “Giấy chứng nhận cải tạo”, **V** trực tiếp nhận tiền của chủ xe để **Lương Kim Q** sử dụng pháp nhân **Công ty D1** hoặc **Công ty D2** lập khống bộ hồ sơ đề nghị Trung tâm Đăng kiểm nghiệm thu và cấp “Giấy chứng nhận cải tạo”.

Đối với loại xe này, Vũ thu mỗi trường hợp 1.000.000 đồng. Số tiền này, V nộp phí nghiệm thu 610.000 đồng, hưởng lợi 390.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 02/2020 đến ngày 23/11/2022, V thông qua Lương Kim Q hoặc trực tiếp nhận tổng cộng 655 hồ sơ các loại và số tiền của các chủ xe để Bùi Văn T1 ký cấp “Giấy chứng nhận cải tạo”. Cụ thể như sau:

- Đối với xe do Công ty D1 vừa thiết kế vừa thi công gồm 262 hồ sơ với số tiền 5.000.000 đồng/hồ sơ, tổng số tiền nhận là 1.310.000.000 đồng. Số tiền này các bị cáo nộp phí thẩm định theo quy định là 610.000 đồng/hồ sơ, tổng cộng là 159.820.000 đồng, hưởng lợi số tiền 1.150.180.000 đồng.

- Đối với xe do Công ty D1 và Công ty D2 làm không thủ tục cải tạo, nghiệm thu theo hồ sơ thiết kế được Cục Đăng kiểm thẩm định gồm 120 xe với số tiền 10.000.000 đồng/hồ sơ, tổng số tiền nhận là 1.200.000.000 đồng. Số tiền này các bị cáo nộp phí thẩm định theo quy định là 610.000 đồng/hồ sơ, tổng cộng là 73.200.000 đồng, chi cho Hoàng Xuân T2 600.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 526.800.000 đồng.

- Đối với xe do Công ty D1 và Công ty D2 làm không thủ tục nghiệm thu và có văn bản đề nghị Trung tâm đăng kiểm nghiệm thu để cấp giấy chứng nhận mà không cần hồ sơ thiết kế gồm 273 xe với số tiền 1.000.000 đồng/hồ sơ, tổng số tiền nhận là 273.000.000 đồng. Số tiền này các bị cáo nộp phí thẩm định theo quy định là 610.000 đồng/hồ sơ, tổng cộng là 166.530.000 đồng, hưởng lợi số tiền 106.470.000 đồng.

Tổng cộng số tiền các bị cáo nhận của các chủ xe để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo là 2.783.000.000 đồng.

Trong số này, Lương Ngọc V và Lương Kim Q tham gia thực hiện việc nhận 655 hồ sơ của các chủ xe để làm thủ tục cấp “Giấy chứng nhận cải tạo” để nhận tổng cộng 2.783.000.000 đồng. Bùi Văn T1 tham gia thực hiện việc nhận 382 hồ sơ của các chủ xe để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo để nhận tổng cộng 2.510.000.000 đồng.

Tổng số tiền nhận của các chủ xe 2.783.000.000 đồng, V trả cho Hoàng Xuân T2 600.000.000 đồng, trả công cho Lương Kim Q 178.500.000 đồng, chia cho Bùi Văn T1 382.000.000 đồng, nộp phí thẩm định 399.550.000 đồng, biếu Lê Văn B (Phó phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Đ) 90.000.000 đồng, V hưởng lợi 1.132.950.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2024/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Lương Ngọc V**, **Bùi Văn T1**, **Lương Kim Q** phạm tội “Nhận hối lộ”.

2. Về điểm, khoản, điều luật Bộ luật Hình sự áp dụng và mức hình phạt đối với từng bị cáo:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4; khoản 5 Điều 354; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lương Ngọc V** 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2023. Cấm bị cáo **Lương Ngọc V** đảm nhiệm chức vụ Đăng kiểm viên trong thời hạn 2 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4; khoản 5 Điều 354; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn T1** 08 (T3) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2023. Cấm bị cáo **Bùi Văn T1** đảm nhiệm chức vụ Đăng kiểm viên trong thời hạn 2 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.3. Căn cứ điểm a khoản 4; khoản 5; khoản 6 Điều 354; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lương Kim Q** 07 (B1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2023. Cấm bị cáo **Lương Kim Q** đảm nhiệm chức vụ quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 2 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Lương Ngọc V** và bị cáo **Lương Kim Q** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Trung tâm Đ** kháng cáo về phần xử lý vật chứng trong thời hạn luật định. Bị cáo **Lương Ngọc V** đã nộp khắc phục thêm 30.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: chấp nhận việc xin rút kháng cáo của các bị cáo, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo và chỉ xem xét kháng cáo của **Trung tâm Đ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Trung tâm Đ** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người vắng mặt không rõ lý do, tuy nhiên xét thấy những người này đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không vì lý do bất khả kháng, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo và người liên quan thì thấy:

2.1. Đối với các bị cáo, tại phiên tòa đã tự nguyện rút kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Đối với kháng cáo của người liên quan **Trung tâm Đ** thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm buộc **Trung tâm Đ** nộp lại số tiền 399.550.000 đồng khi chưa trừ đi số tiền 51.090.000 đồng là số tiền mà Trung tâm đã nộp vào ngân sách nhà nước là không đúng mà chỉ buộc **Trung tâm Đ** nộp lại số tiền 348.460.000 đồng mới đúng. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của **Trung tâm Đ**, sửa 1 phần bản án sơ thẩm là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải chịu.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo **Lương Ngọc V** và **Lương Kim Q**. Phần hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2024/HS-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có hiệu lực thi hành.

2. Sửa 1 phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng như sau:

- Buộc **Trung tâm Đ** phải nộp lại số tiền 348.460.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng